

## TÔNG CẢNH LỤC

## QUYỂN 20

Hỏi: Phàm, chánh nhân Phật tánh, chúng sanh đều có. Trong kinh nói: “Chẳng do quán trí chỗ hiển bày thì đạo thường vạch lộ”. Cớ sao hàng dị sanh mê mà chẳng ngộ?

Đáp: Trong luận Đại Trí Độ nói: Tâm tánh chúng sanh giống như dao bén, chỉ dùng cắt bùn, bùn không thành mảnh, dao ngày một từ mòn, lý thể thường diêu, chúng sanh tự thô, hay khéo dùng đó tức hợp bản diêu. Lại, thí như nước trong một bình mùi vị luôn nhạt, nếu hòa cam thảo vào thì ngọt, hòa hoàng liên vào thì đắng, tâm nước chúng sanh cũng lại như vậy, khởi vọng nhiễm thì phàm, ngấm chân không thì Thánh, tánh của tâm đó chưa từng đổi khác. Như trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng rằng:

*“Thí như nhật nguyệt sạch,  
Gương sáng giữa hư không,  
Ảnh hiện các dòng nước  
Chẳng bị nước khiến tạp.  
Bồ-tát pháp luôn sạch,  
Phải biết cũng như vậy,  
Hiện nước tâm thế gian,  
Chẳng vì đời khiến tạp”.*

Như trong Hoa Nghiêm sơ nói: “Tất cả các pháp có hai: Một là, sở mê, nghĩa là duyên khởi chẳng thật nên như huyễn, duyên thành nên không tánh. Hai là, năng mê, biến kế không vật nên như không, vọng kế nên không tương. Lại vì bất giác nên chẳng biết có, vì chẳng tin nên chẳng gánh vác, chỉ khởi vô minh không rõ thành ý tưởng điên đảo, như sợi dây ban đêm chẳng động mà nghi ngờ cho đó là rắn. Trong nhà tối vốn trống không, khiếp sợ cho đó là có quỷ”. Nên biết vốn không mê ngộ, đối có thẳng trâm. Ngày trước mê ngộ mà tự mê, nay ngộ mê mà chẳng phải ngộ. Chỉ vì nội kiến tự cách biệt, khách trần làm ngăn che, ở trên thể phân tình xa gần, đến trong tánh thì lập lượng Thánh

phàm. Như trong kinh Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn nói: “Phạm Thiên hỏi Văn-thù-sư-lợi rằng: “Cớ sao Tỳ-kheo thân gần nơi Phật?” Văn-thù-sư-lợi đáp: “Này Phạm Thiên! Nếu Tỳ-kheo ở trong Phật pháp chẳng thấy có pháp hoặc gần hoặc xa, thì đó gọi là thân gần nơi Phật”. Trong kinh Đại Tập nói: “Chẳng rõ biết một pháp tướng nhỏ nhiệm là có thể rõ biết Như Lai xuất hiện nơi đời, xuất hiện của không xuất hiện tức là Phật xuất hiện. Do đó, nếu chẳng thấy một pháp thường thấy chư Phật thì ngàn dặm đồng phong. Nếu thấy một pháp chẳng thấy Phật thì đối mặt Hồ Việt”. Nên biết trái ngược tâm hợp cảnh chóng khởi trần lao, trái ngược cảnh hợp tâm, chiếu khắp pháp giới. Tại sao? Tâm là sở y, pháp là năng y, năng y từ sở y khởi, như nước là sở y, sóng là năng y, lia nước không sóng, lia tâm không pháp. Lại, tâm là năng sanh, pháp là sở sanh, như cây gỗ hay sanh ra lửa, nên gỗ là năng sanh, lửa là sở sanh, lia cây gỗ không lửa, lia tâm không pháp, nên biết chẳng tức tâm là đạo thì như ngàn người mở cửa mà không một người được vào. Nếu tỏ rõ tâm chóng vào là như một người mở cửa ải mà hay thông muôn loài. Được cốt yếu của Tông Kính đây, nghĩa là như vậy đó. Do vì diệu tánh chẳng khuyết, mê ngộ tự được, một pháp chẳng động trái thuận chột phân. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Này Phú-lâu-na! Ông hỏi là địa thủy hỏa phong bản tánh trọn chứa, khắp cùng pháp giới, nghi ngờ tánh của thủy hỏa chẳng cùng lẩn diệt. Lại, trưng nên hư không và các đại địa đều khắp pháp giới chẳng hợp tương dung. Phú-lâu-na! Thí như hư không, thể chẳng phải các tướng mà chẳng ngăn ngại các tướng khác phát huy. Tại sao vậy! Phú-lâu-na! Thái hư không kia, mặt nhật soi chiếu thì sáng, mây giăng thì tối, gió lay thì động, sương lắng thì trong, khí ngưng thì đục, đất tích chứa thành bụi mù, nước ngưng lắng thành ánh ngời, ý ông nghĩ thế nào? Như vậy, các tướng hữu vi ở phương khác là nhân kia sanh, hay là từ hư không mà có. Nếu do từ kia sanh ra, thì này Phú-lâu-na! Vả lại, lúc mặt nhật soi chiếu, đã là mặt nhật tỏa sáng, mười phương thể giới đồng là sắc mặt nhật, cớ sao giữa không trung lại thấy mặt nhật tròn đầy”. Nếu là hư không tỏa sáng, thì hư không nên tự chiếu, cớ sao lúc nửa đêm hay trong sương mây chẳng sanh ra ánh sáng? Phải biết ánh sáng đó chẳng phải mặt nhật, chẳng phải hư không, mà chẳng phải hư không và mặt nhật, quán tướng nguyên là vọng, không thể chỉ bày, giống như đón lấy hoa đến hư không mà kết làm quả trong hư không. Cớ sao cật hỏi tướng lẩn diệt đó? Quán tánh nguyên là chân, chỉ diệu giác sáng. Diệu giác sáng tỏ tâm trước chẳng phải là nước lửa. Cớ sao lại hỏi chẳng chứa đó? Chân diệu giác minh

cũng lại như vậy. Ông cho rằng hư không tỏa sáng thì có hư không hiện, địa thủy hỏa phong mỗi mỗi phát sáng thì mỗi mỗi hiện. Nếu đều phát sáng thì có đều hiện, cứ sao đều hiện? Này Phú-lâu-na! như trong một dòng nước hiện ảnh mặt nhật, hai người đồng nhìn mặt nhật trong nước, theo hướng Đông Tây mỗi mỗi riêng đi thì mỗi tự có mặt nhật theo hai người đi, một về hướng Đông một đến hướng Tây, trước không có chuẩn đích, không nên cật nạn nói là mặt nhật đây là một. Cứ sao mỗi riêng đi? Mỗi mặt nhật tức đã là hai, cứ sao hiện một? Uyển chuyển hư vọng không thể có bằng cứ. Này Phú-lâu-na! Ông cho rằng sắc và không cùng khuynh loát cùng lẩn đoạt nơi Như Lai Tạng, mà Như Lai Tạng tùy làm sắc và không khắp cùng pháp giới. Cho nên ở trong đó gió động hư không lắng, mặt nhật tỏa sáng, mây giăng tối. Chúng sanh mê muội trái ngược giác hợp với trần. Nên phát trần lao có tướng thế gian. Ta cho rằng Diệu minh chẳng sanh chẳng diệt, hợp với Như Lai Tạng, mà Như Lai Tạng chỉ là diệu giác tròn sáng chiếu khắp pháp giới”. Nên biết Diệu giác minh tâm trong lặng chẳng động, nhân nghiệp phát hiện, tùy làm sắc không, khắp cùng pháp giới. Chúng sanh trái với bản giác đó, vọng chấp tình trần. Vụt ở trong một chân giác bình đẳng, chợt hiện nên cảnh giới sai biệt, tùy nơi phát sáng mà tướng gọi là phải quấy. Như ở trong thể hư không mà định sai biệt đó, thật đáng gọi là hư vọng điên đảo, không lý đáng cậy. Phàm, treo Thánh trí chân thuyên đều là phá điên đảo đó. Nếu biết điên đảo chẳng thật, tự nhiên không pháp có thể luận bàn. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Dùng trí vào nơi tất cả Phật pháp, vì chúng sanh nói, khiến trừ đảo điên, nhưng biết chẳng lìa chúng sanh có điên đảo, chẳng lìa điên đảo có chúng sanh, chẳng ở trong điên đảo có chúng sanh, chẳng ở trong chúng sanh có điên đảo, cũng chẳng phải điên đảo là chúng sanh, cũng chẳng phải chúng sanh là điên đảo. Điên đảo chẳng phải pháp bên trong, điên đảo chẳng phải pháp bên ngoài, chúng sanh chẳng phải pháp bên trong, chúng sanh chẳng phải pháp bên ngoài. Tất cả các hư vọng chẳng thật, chóng khởi chóng diệt không có bền chắc, như mộng như ảnh như huyễn như hóa, đối lừa hạng ngu phu”. Như trong Sơ Thích nói: Ở kinh văn có bốn đối, ba đối trước từng đôi qua lại trông vọng, một đối sau dùng đương thể để biện giải. Hai đối trước trong ba đối trước là chẳng lìa, một đối sau trong ba đối trước là chẳng tức, tức hiển bày chúng sanh đó cùng điên đảo chẳng phải tức chẳng phải lìa. Chúng sanh tức là người năng khởi phiền não là nhiễm phần khác khởi. Điên đảo tức là vọng sở khởi, là biến kế sở chấp. Đối thứ nhất nói rõ về chẳng lìa (bất ly), nghĩa là nương tựa tự

chấp thật vậy, lia chúng sanh không điên đảo, nương tựa chấp tự khởi lia điên đảo không chúng sanh. Đối thứ hai nói rõ chẳng cùng tồn tại, lại giải thích nghĩa trước nói về chẳng lia, là nói rõ nhân quả cùng đợi duyên thành chẳng phải trước có thể. Hai vật cùng tồn tại, trong nhân không quả, nên trong điên đảo không chúng sanh. Nếu hẳn là có thì nên biến kế tức là y tha khởi. Trong quả không nhân, nên trong chúng sanh không điên đảo. Nếu cần khiến có thì nên không có chẳng điên đảo chúng sanh. Đối thứ ba nói rõ về chẳng tức (bất tức), chẳng hoại hai tướng của nhân quả năng sở biến kế. Do ba đối trước thì biết chúng sanh điên đảo chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải tức chẳng phải ly đối thứ tư là lấy đương thể để biện giải. Tâm điên đảo gá cảnh mới sanh nên chẳng phải pháp bên trong. Nếu là bên trong tức không cảnh, nên có cảnh do tình chấp nên chẳng phải pháp bên ngoài. Nếu là bên ngoài thì người trí ở nơi cảnh chẳng nên chẳng nhiễm. Đã chẳng phải trong hay ngoài, sao lại trung gian? Thì đương thể tự rõ đối lấy gì đối với khác? Để nói rõ tức là lia, chúng sanh cũng vậy, tức uẩn cầu không nên chẳng phải pháp bên trong, lia uẩn cũng không nên chẳng phải pháp bên ngoài. Đã chẳng phải trong hay ngoài, cũng tuyệt trung gian, bản tánh tự không sao có thể khởi điên đảo? Lấy gì đối với khác? Nói rõ chẳng phải tức hay lia, đã biết như vậy thì tự không điên đảo, vì vật nói điên đảo này tự trừ. Nhân nghĩa là do chẳng đạt duyên thành chẳng bền chắc, vọng sanh biến kế, nên nói dối lừa hạng ngu phu, nhưng thật ngu phu tự luống dối, như khi chấp vầng nguyệt chẳng phải vầng nguyệt chấp khi. Lại trong luận Trung Quán có kệ tụng rằng:

*“Có đảo chẳng sanh đảo,  
Không đảo chẳng sanh đảo,  
Chẳng đảo cũng chẳng đảo,  
Nếu ở lúc điên đảo,  
Cũng chẳng sanh điên đảo,  
Ông nên tự quán sát,  
Ai sanh ở điên đảo?”*

Đã là kẻ điên đảo thì chẳng còn sanh điên đảo, đã điên đảo nên chẳng phải kẻ điên đảo, cũng chẳng điên đảo không có điên đảo, nên lúc điên đảo cũng không điên đảo, có hai lỗi lầm vậy. Nay ông trừ tâm kiêu mạn, khéo tự quán sát ai là điên đảo? Lại nữa, các điên đảo chẳng sanh, cơ sao có nghĩa này? Không có điên đảo vậy, sao có điên đảo là các thứ nhân duyên điên đảo phá diệt nên rơi vào chẳng sanh, tham trước kia chẳng sanh, nghĩa là chẳng sanh là thật tướng điên đảo, cho

nên có kệ tụng rằng: “Sao gọi chẳng sanh là điên đảo? Cho đến pháp vô lậu còn chẳng gọi là tướng chẳng sanh, huống gì điên đảo là tướng chẳng sanh, không điên đảo sao có điên đảo, là nhân điên đảo mà có điên đảo vậy”.

Hỏi: Cớ sao tất cả điên đảo chẳng thành vọng ư?

Đáp: Chỉ vì nhân chỗ tình chấp, bên thành hư vọng, vì thấy vốn không, vọng tức chẳng phải vọng. Như trong Khởi Tín Sao nói: “Sở chấp vốn không cùng chân tâm chẳng động lần lượt cùng thánh lập, chỉ vì sở chấp vốn không. Do đó, chân tâm chẳng động, chỉ do chân tâm chẳng động nên được sở chấp vốn không, sao gọi là chân vọng lần lượt cùng thành lập? Vì mê chân khởi vọng, vọng nhân chân lập ngộ vọng tức là chân, chân từ vọng hiển bày”.

Hỏi: Làm sao được lìa điên đảo, chẳng tự lừa dối, không lỗi lầm ư?

Đáp: Như trong kinh Đại Tập nói: “Như đại thứ năm, như tình thứ bảy, như mười chín giới, không ra không vào không sanh không diệt, không có tạo tác, không tâm ý thức, mới gọi là không lỗi quá.”

Hỏi: Nếu tâm tánh vốn tịnh, cớ sao nói khách trần nhiễm?

Đáp: Tâm vốn thanh tịnh, vết tích cũng thanh tịnh, thể cũng thanh tịnh, dụng cũng thanh tịnh. Vì chẳng lìa một tâm riêng có thanh tịnh, vì vọng trần chẳng thể nhiễm, chân pháp chẳng thể tịnh. Tại sao? Lìa tâm không khác pháp, đâu có nhiễm có thể nhiễm ư? Cũng lìa tâm không chân pháp, đâu có Tịnh độ có thể tịnh ư? Thì sao chẳng thể tự cắt, tay chẳng thể tự xúc chạm. Trong luận Đại Trang nghiêm có kệ tụng rằng:

*“Đã nói tâm tánh tịnh,  
Mà vì khách trần nhiễm,  
Chẳng lìa tâm chân như,  
Riêng có tâm tánh tịnh”.*

Chẳng lìa chân như của tâm riêng có khác, nghĩa là tướng y tha nói làm tự tánh thanh tịnh. Trong đây nên biết, nói tâm chân như, gọi đó là tâm, tức nói tâm đây là tự tánh thanh tịnh, tâm đây tức là thức A-ma-la. Lại, tất cả chúng sanh chưa thấy tánh là tuy do khách trần che ẩn, ngũ ấm vùi chôn, mặc tình trải qua sanh tử qua lại mà tánh đó chẳng mờ tối, hoặc gặp bạn lành mở bày trọn tự hiển sáng, do đó xuất thế gian thường trú tâm báu, há pháp thế gian vô thường bại hoại sanh diệt mà có thể đọa lạc hư hoại, như kho vàng trong nhà bần nữ tuy chưa đào bởi mà chẳng phải di dời, như bảo châu trên trán lực sĩ mặc tình chiến đấu ẩn một mà thường còn, như thuốc trong ống trúc ở núi Tuyết mùi vị tạm

lan tỏa mà thường còn, như kim cương dưới đáy đại địa, giả sử đục thủng mà chẳng hoại. Cho nên trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Bồ-tát Ca-diếp bạch Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Từ ngày nay, con mới được chánh kiến. Thế Tôn! Từ nay trở về trước, chúng con đều gọi là người tà kiến. Thế Tôn! Hai mươi lăm hữu có ngã hay không?” Phật dạy: “Này thiện nam! Ngã tức là nghĩa Như Lai Tạng. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tức là nghĩa ngã vậy. Nghĩa ngã như vậy từ xưa đến nay thường bị vô lượng phiền não ngăn che, cho nên chúng sanh chẳng thể được thấy. Này thiện nam! Như trong nhà bản nữ có nhiều kho vàng thật, mọi người lớn nhỏ trong nhà không ai hay biết. Bấy giờ có một người khác khéo biết phương tiện, nói cùng người bản nữ rằng: “Nay tôi thuê mượn người, người có thể vì ta mà cày dọn các cỏ dơ”. Người nữ ấy đáp: “Tôi không thể làm vậy. Nếu ông có thể chỉ bày kho vàng cho con tôi, sau đó tôi sẽ làm cho ông”. Người ấy lại bảo: “Tôi biết cách thức có thể chỉ cho con người”. Người nữ ấy nói: “Mọi người lớn nhỏ trong nhà tôi còn tự chẳng biết, huống gì ông làm sao biết được”. Người ấy lại bảo: “Nay tôi có thể tìm xét?” người nữ ấy nói: “Tôi cũng muốn thấy, và có thể chỉ bày cho tôi”. Người ấy liền đến nơi nhà đó đào bới ra kho vàng thật. Người nữ thấy rồi, tâm sanh vui mừng, sanh ý tưởng lạ lùng tôn sùng kính ngưỡng người ấy. Này thiện nam! Phật tánh chúng sanh cũng lại như vậy. Tất cả chúng sanh chẳng thể được thấy, như kho báu kia mà người bản nữ chẳng biết. Này thiện nam! Nay ta chỉ bày cho tất cả chúng sanh nơi có Phật tánh. Vì sự ngăn che của các thứ phiền não, như người bản nữ kia có kho vàng thật mà chẳng được thấy. Ngày nay Như Lai chỉ bày cho chúng sanh nhận biết kho báu, đó là Phật tánh, mà các chúng sanh thấy việc đó rồi, tâm sanh vui mừng quy hướng kính ngưỡng Như Lai. Người khéo biết phương tiện tức là Đức Như Lai, người bản nữ tức là tất cả vô lượng chúng sanh. Kho tàng vàng thật tức là Phật tánh vậy. Cho đến, thí như nhà vua có một đại lực sĩ, người đó giữa chân mày có hạt châu kim cương, cùng các lực sĩ khác độ sức đánh nhau, mà lực sĩ đó dùng đầu húc chạm, viên châu trên trán đó ngấm ẩn vào trong da, đều chẳng tự hay biết viên châu ở nơi nào. Ở nơi có vết thương, tức mời thầy thuốc để chữa trị đó. Lúc chữa trị có vị thầy thuốc thông minh khéo biết các phương thuốc, tức biết vết thương đó do hạt châu vào trong cơ thể, hạt châu đó vào trong da tức bèn dừng ở. Khi ấy vị thầy thuốc tầm hỏi lực sĩ: “Hạt châu trên trán ông hiện tại ở đâu?” Lực sĩ kinh ngạc đáp: “Đại sư y vương! Hạt châu trên trán tôi là không mất ư? Nay hạt châu đó hiện ở nơi nào?” Cho là chẳng

phải huyễn hóa, buồn rầu than khóc. Lúc đó, vị thầy thuốc an ủi lực sĩ”. Ông nay chớ nên phải sâu khổ quá lắm. Nhân lúc ông đánh nhau, hạt châu vào trong cơ thể, nay lại trong da, ảnh hiện ở ngoài. Do lúc các ông đánh nhau, sần nhức độc mạnh, hạt châu vùi trong cơ thể nên chẳng tự biết”. Lúc đó, lực sĩ không tin lời thầy thuốc, mà nói: “Nếu tại trong da thì huyết nồng chẳng sạch, bởi duyên gì mà chẳng ra? Nếu tại trong gân, thì không nên có thể thấy. Nay cứ sao ông lừa dối khinh thường tôi vậy!”. Khi ấy, thầy thuốc nắm gương để soi chiếu vào mặt, hạt châu trong gương sáng rõ hiển hiện. Lực sĩ thấy rồi, trong tâm kinh ngạc, sanh ý tưởng cho là lạ lùng. Nay thiện nam! Tất cả chúng sanh cũng lại như vậy. Vì chẳng hay thân gần thiện hữu tri thức, nên tuy có Phật tánh, mà đều chẳng thể thấy, và bị các thứ tham dâm sần nhức ngăn che, nên đọa vào địa ngục, ngạ quỷ súc sanh, A-tu-la, hay Chiên-đà-la, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà sanh trong các thứ nhà như vậy v.v... nhân tâm sở khởi các thứ nghiệp duyên, tuy thọ thân người điếc đui câm ngọng cong queo tật nguyền ở trong hai mươi lăm hữu chịu các quả báo, tham dâm sần nhức ngu si che phủ tâm, không biết Phật tánh, như lực sĩ kia viên châu báu trong cơ thể mà gọi là đã mất đi, chúng sanh cũng vậy, không biết thân gần thiện hữu tri thức, không biết kho báu kín mầu của Đức Như Lai, tu học vô ngã, dù như chẳng phải Thánh tuy nói có ngã cũng lại không biết thân gần thiện hữu tri thức, tu học vô ngã, cũng lại không biết nơi của vô ngã, còn tự không biết chân tánh vô ngã, huống lại có thể biết chân tánh của có ngã. Nay thiện nam! Như vậy Như Lai nói các chúng sanh đều có Phật tánh, dù như người thầy thuốc giỏi chỉ châu báu kim cương cho người lực sĩ kia, các chúng sanh đó bị vô lượng ức các thứ phiền não che phủ không biết Phật tánh. Nếu phiền não hết khi đó mới được chứng biết rõ ràng, như người lực sĩ kia đối diện trong gương sáng thấy châu báu đó. Nay thiện nam! Kho tàng kín mầu của Như Lai nhiều vô lượng như vậy chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, nay thiện nam! Thí như trên núi Tuyết có một vị thuốc gọi là lạc vị, mùi vị đó rất ngọt ở dưới rừng rậm sâu, mọi người không thể thấy. Có người nghe mùi hương liền biết đất đó đang có thuốc đó. Ở đời xa xưa về trước có vị Chuyển Luân Vương đến nơi núi Tuyết này làm thuốc ấy vậy, ở khắp các nơi làm các ống gỗ để đựng thuốc đó. Thuốc đó lúc nóng từ đất lưu xuất nhóm tụ trong các ống gỗ, mùi vị đó chân chánh. Vị Chuyển Luân Vương đã qua đời. Về sau thuốc đó hoặc chua hoặc mặn hoặc ngọt hoặc đắng, hoặc cay hoặc nhạt, một vị như vậy, tùy nơi lưu xuất mà có các thứ khác nhau. Mùi vị chân thật của thuốc đó ngưng đọng tại

trong núi, giống như trăng tròn tỏa sáng, phàm là người bạc phước, tuy dùng bữa lớn đẽo gọt gia công khốn khổ, mà chẳng thể được. Lại có vị Thánh vương xuất hiện nơi đời, do phước báo nhân duyên tức liền được mùi vị chân chánh của thuốc đó. Đây thiện nam! Kho tàng kín mầu của Đức Như Lai mùi vị đó cũng vậy, vì các rừng rậm phiền não ngăn che, chúng sanh vô minh không thể được thấy. Một vị thuốc là dụ như Phật tánh, vì phiền não nên sanh ra các thứ mùi vị, đó nghĩa là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời người nam nữ, chẳng phải nam chẳng phải nữ, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà. Do Phật tánh hùng mạnh khó thể trở hoại, cho nên không có kẻ hay giết hại. Nếu có giết hại thì đoạn mất Phật tánh. Phật tánh như vậy trọn không thể đoạn. Tánh mà có thể đoạn, thì điều đó không thể có. Như ngã tánh tức là kho tàng bí mật của Như Lai. Kho tàng bí mật như vậy, tất cả không ai có thể đồng năng trở phá hoại tiêu diệt, tuy chẳng thể hoại, nhưng không thể thấy. Nếu được thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Lúc đó mới chứng biết. Do nhân duyên đó mà không thể giết hại”. Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nếu không giết hại là nên phải không có nghiệp bất thiện”. Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp: “Thật có giết hại. Tại sao? Đây thiện nam! Phật tánh chúng sanh trú trong Ngũ ấm, nếu hủy hoại ngũ ấm, gọi đó là giết hại. Nếu có giết hại thì đọa vào ác thú. Do nghiệp nhân duyên mà có Sát-đế-lợi, Bà-la-môn v.v... Tỳ-xá, Thủ-đà và Chiên-đà-la, hoặc nam hoặc nữ, chẳng phải nam chẳng phải nữ, tướng sai biệt của hai mươi lăm hữu, lưu chuyển sanh tử. Nếu chẳng phải bậc Thánh, ngược lại tính nơi ta các tướng lớn nhỏ, giống như hạt cỏ, hoặc nơi như hạt đậu, cho đến ngón tay cái, các thứ như vậy đối sanh nhớ tướng tướng của vọng tưởng. Không có chân thật, tướng ta xuất hiện nơi đời, gọi là Phật tánh, tính nghĩ ta như vậy, gọi là tối thiện. Đây thiện nam! Thí như có người khéo biết kho tàng ẩn kín, tức dùng bữa bẻn nhọn bữa đất xuống thẳng nơi đá tảng các sỏi, xuyên qua không khó, chỉ đến kim cương, chẳng thể xuyên thủng. Phàm, là kim cương thì dao búa không thể làm ngăn trở phá hoại. Đây thiện nam! Phật tánh chúng sanh cũng lại như vậy. Tất cả dù là Thiên ma Ba-tuần và các trời người không thể hủy hoại, tướng của ngũ uẩn tức là khởi tác. Tướng của khởi tác dụ như cát đá, có thể xuyên thủng có thể hủy hoại. Phật tánh là dụ như kim cương không thể làm trở ngại. Do vì nghĩa đó, nên hủy hoại ngũ uẩn gọi là giết hại. Đây thiện nam! Hẳn định phải biết Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn như vậy, là biết tuy có Phật tánh từ lâu bị bụi trần che phủ, phải dùng chỉ quán huân tu mới được sáng sạch, như cô



gái nghèo được của báu trong kho, như lực sĩ kia thấy hạt châu của trong gương, mới thật tỏ ngộ tự tâm diệu giác viên mãn”. Lại, làm sao thực hành chỉ quán mà được khế hợp chân tu? Chỉ cần rõ tâm năng quán và cảnh sở quán mỗi mỗi tánh lia tức vọng tâm tự dứt. Đây gọi là chỉ, thường làm quán đó, chẳng mất soi chiếu đó, nên gọi là quán, đây thì tức chỉ tức quán, tức quán tức chỉ, không có năng quán sở quán thì gọi là chỉ quán. Như các bậc Tiên đức nói: “Pháp tánh vắng lặng tự nhiên gọi là chỉ, vắng lặng mà thường soi chiếu gọi là quán. Chẳng phải năng quán sở quán có hai sự đó. Do đó trong kinh Hoa Nghiêm có bài tụng rằng:

*“Nếu có muốn biết cảnh giới Phật,  
Phải tịnh ý mình như hư không,  
Xa lìa vọng tưởng và các thủ,  
Khiến chỗ tâm hướng đều vô ngại”.*

Trong Sơ Thích nói: “Một là, lìa đối chấp như không trung trong sạch kia không mây ngăn che, đó tức là chân chỉ; hai là, xúc cảnh không ngưng trệ, như không trung trong sạch kia không có chướng ngại, đó tức là chân quán. Quán này chẳng tác ý để soi chiếu cảnh, thì sở chiếu không bờ mé, chỉ này thể tánh lia mà dứt vọng, các chấp thủ đều vắng lặng, như vậy thì chẳng phải lau chằng ánh ngời mà tự sạch vậy, sạch của không sạch mới ngầm khế hợp với cội nguồn pháp. Tu của không tu thì thâm bước vào cảnh Phật vậy. Nên biết chỉ một tâm chân trí là bản thân ngã, trong lặng thường còn, hiện tiền sáng sạch, tự nhiên dùng mở trí tuệ mở phá vô minh, bay ra ngoài ba cõi tự tại vô ngại. Thời gian phương hướng đây được thấy tánh rõ ràng. Lại có pháp nào có thể kham đối sánh? Như trong Cô tịch ngâm của Đan Hà nói rằng:

*“Chẳng mê phải có tâm chẳng mê,  
Lúc nhìn cạn cạn lúc dùng sâu,  
Hạt trân châu đây như chọn việc,  
Đâu đồng lượm củi mang vàng ròng.  
Vàng ròng nấu luyện chuyển làm mới,  
Châu đây lông sáng chưa bày người,  
Rõ thì dầu lông nuốt biển cả,  
Mới biết đại địa một mảy trần!”*

Hỏi: Tâm chư Phật khắp cùng tất cả tâm chúng sanh, hay hiện phàm tâm. Thân chúng sanh khắp cùng thân chư Phật, hay làm Thánh thể, là do chuyển động qua lại khắp cùng mà thành hay là ngay nơi một thể?

Đáp: “Nếu nói chuyển động tức thành tạo tác, nếu nói qua lại khắp cùng thì có hai tâm. Do đó một tâm thường trú giống như thể của hư không. Phạm Thánh hai hiệu, lại đồng hoa của trong không trung, xanh vàng khởi diệt tuy khác mà chẳng phải vượt quá tánh của thái hư. Mê ngộ thăng trầm tuy khác mà chưa lìa nguyện của chân giác. Lại như ngàn ngọn đèn trong một căn phòng, mỗi mỗi ánh sáng xen lẫn vào, muôn tượng trong một gương, ảnh ảnh che bày, chẳng phải khác, chẳng phải đồng, chẳng khừ chẳng lai. Thấu đạt yếu chỉ này là chỉ Phật suốt biết. Do đó muôn hữu tức chân, không tướng chuyển biến. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Biết tâm như huyễn, sanh ra tất cả cảnh giới các pháp, khắp cùng vô tận, chẳng hết chẳng dứt”. Trong kinh Đại Tập nói: “Trú trong một tâm hay biết các tâm của tất cả chúng sanh, quán tâm chúng sanh thấy đều bình đẳng, như tướng huyễn hóa, bản tánh thanh tịnh, quán thân nghiệp các chúng sanh bình đẳng đều như trắng nước, thấy các chúng sanh đều tại trong thân mình, thân mình cũng tại trong thân chúng sanh, giống như ảnh hiện, hay khiến chúng sanh đều làm thân Phật, cũng khiến thân mình làm thân chúng sanh. Tất cả không có kể hay biến động”. Lại trong kinh có kệ tụng rằng:

*“Chư Phật tựa như gương tròn lớn,  
Thân ta giống như châu ma-ni,  
Pháp thân chư Phật vào thể ta,  
Thân ta thường vào thân chư Phật”.*

Tuy nhiên qua lại vào mà không chỗ vào, nếu có chỗ vào tức thành hai pháp.

Hỏi: Nếu thật ngoài tâm không pháp riêng nêu tông là không chư Phật là không người năng hóa, không chúng sanh thì không chúng sở hóa, toàn quy về vô ký, lấy gì làm tiếp nối hưng thịnh?

Đáp: Chỉ nghĩa là rõ duy tâm nên thành Phật bình đẳng, đạt duy thức nên hành bi đồng thể. Nếu chẳng ngay đó chóng ngộ tông đây, thì tự lợi lợi tha đều mất. Tại sao? Vì chẳng vào một tâm bình đẳng, trái với chánh tông của thành Phật. Chẳng rõ đồng thể đại bi, đọa vào vọng tưởng của ái kiến. Như trong phẩm Quán chúng sanh ở kinh Duy-ma nói: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi Duy-ma-cật rằng: “Bồ-tát làm sao quán ở chúng sanh?” Duy-ma-cật đáp: “Thí như Huyễn sư thấy ở người huyễn, Bồ-tát quán chúng sanh là như vậy, như người trí thấy ánh trăng trong nước, như thấy ảnh tượng họ trong gương, như ánh lửa trong lúc nóng đốt, như tiếng vang lúc gọi, như mây giữa không trung, như nước nhóm tụ bọt, như bọt trên mặt nước, như lá chuối bên chắc, như

điện chớp chẳng dừng lậu, như đại thứ năm, như ẩm thứ sáu, như tình thứ bảy, như mười ba nhập, như mười chín giới. Bồ-tát quán chúng sanh như đây, như sắc của Vô sắc giới, như mầm hạt chấy, như Tu-đà-hoàn thân kiến, như A-na hàm vào thai, như A-la-hán ba độc, như Bồ-tát đắc nhãn tham nhuế hủy phạm cấm giới, như thói quen phiền não nơi Phật, như người mù thấy sắc, như nhập diệt tận định có hơi thở vào ra, như dấu vết chim bay giữa hư không, như con của thạch nữ, như phiền não ở hóa nhân, như điều thấy trong mộng đã tỉnh giấc, như người diệt độ nhận thọ thân, như lửa không khói, Bồ-tát quán chúng sanh là như vậy”. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi: “Nếu Bồ-tát quán như vậy, cố sao hành từ?” Duy-ma-cật đáp: “Bồ-tát quán như vậy rồi tự tư duy rằng: “Ta đang vì chúng sanh nói pháp như thế này”. Đó tức là chân thật từ vậy”. Trong Tịnh Danh Tư Ký giải thích rằng: “Nay nói rõ về cốt lõi trong phẩm quán chúng sanh thì chỉ y cứ một hàng câu trong đó là đủ, được một câu thâm tóm tâm thường chiếu tất cả muôn hạnh của hành đầy đủ, chỉ khiến trong tự quán, quán thâm tâm ông như rót ráo không đây, tức là Bồ-tát quán chúng sanh. Bồ-tát gọi là đạo, đạo là năng thông, thông sắc tâm bản tánh ông, khiến lìa hư vọng, tức là Bồ-tát. Bồ-tát chỉ tại trong thân ông, quán thân tâm ông như cánh tay thứ ba là, rốt cùng không thân tâm. Trong đây nêu bày pháp dụng tâm của người tọa thiền rất hay, chỉ quán thân tâm như vậy, không thể làm định loạn. Phải quấy một khác, tất cả đều bình đẳng tức là pháp tọa thiền. Chẳng đồng như thời nay chấp có tâm khả đắc, nói tâm ta loạn, muốn trừ loạn phải giữ lấy định, rất thành điên đảo, phải rõ biết việc ma. Lại, thời nay muốn độ chúng sanh, nên phải sớm tối quán chỗ khởi tánh phiền não trong tâm ông tức là độ chúng sanh chỉ dẫn bảo trí quán phiền não đây gọi là Phật vậy. Thích-ca đã quán phiền não rồi, đắc làm Phật rồi, thuyết giáo lưu truyền cho. Nay phàm phu y cứ theo giáo mà tu hành, nếu nói riêng có Phật riêng có rất nhiều thế giới chúng sanh, Phật lần lượt độ xong, vậy sau mới thành Phật, nếu vậy thì Thích-ca đã thành Phật rồi, nay nào được còn thấy chúng sanh đầy khắp thế giới? Phải biết không như vậy. Phàm, nói rồi, tức hết vậy. Trên đây quán chúng sanh đã xong, tiếp theo là quán Như Lai là như trong phẩm Phật A-Súc nói: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi Duy-ma-cật rằng: “Ông muốn thấy Như Lai thì dùng những gì để quán Như Lai ư?” Duy-ma-cật đáp: “Như tự quán thật tướng của thân, quán Phật cũng vậy. Con quán Như Lai khoảng trước chẳng đến, khoảng sau chẳng đi, nay thì chẳng trú, chẳng quán sắc, chẳng quán sắc như, chẳng quán sắc tánh, chẳng quán thọ tướng hành thức, chẳng

quán thức như, chẳng quán thức tánh, chẳng phải tứ tại khởi, đồng như hư không, sáu nhập không tích nhẫn nhĩ tử thiết thân tâm đã qua, chẳng tại trong ba cõi, ba cấu đã lìa, thuận ba môn giải thoát, ba minh cùng vô minh bình đẳng, chẳng một tướng chẳng khác tướng, chẳng tướng tự chẳng tướng tha, chẳng phải không tướng chẳng phải chấp tướng, chẳng bờ này chẳng bờ kia chẳng giữa dòng, mà hóa độ chúng sanh, quán nơi tịch diệt mà chẳng trọn diệt, chẳng đây chẳng kia, chẳng lấy đây chẳng lấy kia, chẳng thể dùng trí biết, chẳng thể dùng thức hay, không tối không sáng, không danh không tướng, không mạnh không yếu, chẳng phải sạch chẳng phải dơ, chẳng tại phương chẳng lìa phương, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, không chỉ bày không nói năng, không ban cho không keo lận, chẳng giới chẳng phạm, chẳng nhẫn chẳng sân, chẳng tiến chẳng lùi, chẳng định chẳng loạn, chẳng trí chẳng ngu, chẳng thành thật chẳng khi dối, chẳng đến chẳng đi chẳng ra chẳng vào, tất cả bật đường ngôn ngữ, chẳng phải phước điền, chẳng phải chẳng phước điền chẳng phải ứng cúng dường, chẳng phải chẳng ứng cúng dường, chẳng phải lấy, chẳng phải bỏ, chẳng phải tướng chẳng phải không tướng, đồng chân tế, bằng pháp tánh, không thể cân không thể lường, vượt qua các cân lường, chẳng phải lớn chẳng phải nhỏ, chẳng phải thấy chẳng phải nghe, chẳng phải hay chẳng phải biết, lìa các trói buộc, ngang bằng các trí, đồng chúng sanh, đối với các pháp không phân biệt, tất cả đều không mất, không xúc không nã, không làm không khởi, không sanh không diệt, không sợ không lo, không mừng không chán, không đấm trước, không đã có, không sẽ có, không hiện có, không thể dùng tất cả ngôn thuyết phân biệt diễn bày. Bạch Đức Thế Tôn! Thân Như Lai là như vậy. Tác quán như vậy, vì quán đó gọi là chánh quán, nếu quán khác thì gọi là tà quán”. Trong Tịnh Danh Sớ của Thiên Thai giải thích chẳng quán sắc, chẳng quán sắc như, chẳng quán sắc tánh, chẳng quán sắc là tâm như huyễn sư huyễn tạo các thứ sắc, nếu biết huyễn sư là luống dối thì không được sắc của chỗ huyễn, sắc từ tâm huyễn sư huyễn hóa ra, còn chẳng được tâm đây, thì xứ nào thấy có sắc đây? Nên không nên quán sắc, chẳng quán như là, nếu thấy sắc cùng như là khác đó thì hết sạch sắc vào như, nay chẳng thấy riêng biệt của sắc như, nên chẳng quán như. Chẳng quán tánh là tức chẳng quán thật tánh, chẳng quán sắc là không tục, chẳng quán như là không chân, chẳng quán thật tánh là không trung đạo, vì chấp trung đạo đó có Phật tánh, mà khởi thuận đạo ái sanh, là làm đánh rơi đạo. Nên trong kinh nói: “Ngã và Niết-bàn cả hai đều không, chỉ có bệnh không, bệnh không cũng không”. Nay

chẳng quán tánh là không thuận đạo ái vậy. Phàm nhận thọ quả báo sai biệt ở thế gian, đều là một niệm tâm khác phân biệt tình sanh, chấp thủ tướng chúng sanh, là phàm chấp cảnh chư Phật làm Thánh, như trong kinh nói: “Quán chúng sanh như huyễn sư thấy huyễn, quán Như Lai thì ba khoảng thời gian thể đều không, hai kiến do đó tiêu mất, tình lượng vì đó đều sạch hết, thì có thể thành vui của chư Phật trừ lo buồn của Bồ-tát, tin một tâm đây hay vào Tông Kính. Do đó trong phẩm Như Lai Thần Lực ở kinh Pháp Hoa có kệ tụng rằng:

*“Người hay trì kinh đây,  
Khiến ta và phân thân,  
Phật Đa Bảo diệt độ,  
Tất cả đều vui mừng”.*

Các bậc Thánh xưa trước nói rằng: “Chẳng ngang bằng của đạo tục, chẳng hết sạch của hai tế, là lo buồn của Bồ-tát vậy”. Trong kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập nói: “Phật pháp, gọi là tất cả pháp, tất cả pháp gọi là Phật pháp. Tánh Phật pháp tức là tánh tất cả pháp, như tánh tất cả pháp không có sai biệt”, nên biết tánh không có khác, tùy thấy thành sai biệt, thể đó thường dung thông, giả danh có sai biệt. Do đó trong kinh nói: “Tất cả các pháp và pháp chư Phật, chỉ giả danh tự, cũng chẳng phải pháp phải, cũng chẳng phải pháp quấy”. Trong kinh Bất Thối Chuyển Pháp Luân nói: “Phật và Bồ-tát có âm thanh mà không thật, cũng không phương sở, các pháp cũng vậy”. Trong kinh Hoa Nghiêm có bài tụng rằng:

*“Biết các thế gian đều bình đẳng,  
Chẳng phải tâm nói tất cả nghiệp,  
Chúng sanh huyễn hóa không có thật,  
Nơi có quả báo từ đây khởi”.*

Lại có kệ tụng rằng:

*“Các pháp tịch diệt chẳng tịch diệt,  
Xa lìa hai tâm phân biệt đây,  
Biết các phân biệt là tục thấy,  
Vào nơi chánh vị phân biệt hết”.*

Trong phẩm An Lạc Hạnh ở kinh Pháp Hoa nói rằng: “Lại nữa, vị Đại Bồ-tát quán tất cả các pháp không, như thật tướng, chẳng điên đảo, chẳng động chẳng thối chẳng chuyển, như hư không, không chỗ có tánh, tất cả tuyệt đường ngôn ngữ, chẳng sanh chẳng xuất chẳng khởi, không danh, không tướng, thật không chỗ có, không lường không ngần không ngại không chướng, chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sanh”.

Nói thường vui thích quán thật tướng như vậy, đó gọi là nơi thân gần thứ hai của vị Đại Bồ-tát. Lại, trong phẩm Như Lai Thọ Lượng nói: “Này các thiện nam! Các kinh điển Như Lai diễn nói, đều vì độ thoát chúng sanh, hoặc nói thân mình, hoặc nói thân người, hoặc chỉ việc mình, hoặc chỉ việc người, các điều nói năng đều thật chẳng dối. Tại sao như vậy? Vì Như Lai biết như thật, thấy tướng của ba cõi, không có sanh tử, hoặc lui hoặc ra khỏi, cũng không ở đời và cả diệt độ, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải như, chẳng phải khác, chẳng như ba cõi mà thấy nơi ba cõi. Những việc như thế, Như Lai thấy đều thấy rõ không có sai lầm. Vì các chúng sanh có các thứ tánh các thứ dục, các thứ hành, các thứ nghĩ tưởng phân biệt, muốn khiến sanh các căn lành, dùng vô số nhân duyên thí dụ, ngôn từ, các thứ nói pháp, chỗ làm Phật sự, chưa từng tạm phế bỏ”. Nên biết nếu dùng môn chánh tông, còn không người ở đời, cũng không có diệt độ, huống gì có khác biệt của năng hóa và sở hóa ư? Nếu dùng môn Phật sự, thì biển giáo rộng sâu, đèn trí chiếu khắp, tùy cơ duyên khéo léo, nào dụng tạm phế bỏ ư? Do đó, trong luận Đại Trí Độ nói: “Hỏi rằng: Nếu ngũ ấm là không tức không Phật, tức là tà kiến, vậy cố sao Bồ-tát phát tâm cầu làm Phật?” Đáp rằng: “Trong đây nói không Phật, vì phá ý tưởng chấp trước nơi Phật, chẳng nói giữ lấy tướng không Phật, nếu có Phật còn khiến chẳng giữ lấy, huống gì giữ lấy tà kiến không Phật? Lại, Phật là thường vắng lặng, không tướng hý luận, nếu người phân biệt hý luận sự thường vắng lặng, thì người đó cũng rơi lạc tà kiến. Là hai biên có và không đó, ở ngay trung đạo tức là thật tướng các pháp. Thật tướng các pháp tức là Phật. Tại sao? Đắc thật tướng các pháp đó gọi là đắc Phật. Trong kinh Đại Bát-nhã nói: “Các chúng Bồ-tát còn chẳng đắc pháp, huống gì chẳng phải pháp, còn chẳng đắc đạo, huống gì chẳng phải đạo”. Lại nói: “Đối với pháp sanh tử, chẳng khởi chẳng rơi đọa, đối với các đạo thánh, chẳng lia chẳng trí”. Giải thích rằng: “Đối với pháp sanh tử mà chẳng khởi, là tự tánh thường không nên chẳng rơi lạc bên lia, chẳng rơi đọa, là chẳng tùy lưu chuyển nên chẳng rơi lạc bên tức. Đối với các đạo thánh chẳng lia, là tánh thường tương ưng, nên chẳng rơi lạc bên biên, chẳng tu, là thiên chân đầy đủ nên chẳng rơi lạc bên thường. Như trong Thanh Lương sơ nói rằng: “Chẳng chấp trước một nhiều năng lập tất cả, là chẳng chấp trước ở có năng an lập vậy, tức chân tục dung thông, nghĩa là tướng của thế tục huyền có, tướng vốn tự không. Lý của thắng nghĩa chân không, lý thường tự có, có là không, có chẳng phải thường có. Có đó chưa từng chẳng không, không là có không, chẳng phải đoạn không. Không

đây còn thường chẳng có, có không, không có, thể chỉ một mà tên gọi khác. Tên gọi khác nên chân tục qua lại trái nhau xa xôi chẳng tạp. Thể một nên không có cùng thuận ngầm vậy chẳng hai, một và chẳng một, chẳng tức chẳng lìa, dung thông vô ngại. Trí Bồ-tát khế hợp với nguồn cội đó, do đó mà chóng tuyệt vô ký, mà khéo tu an lập”. Lại nói: “Do vì sự hư quây lý, không sự nào của chẳng lý. Lý thật ứng duyên, không lý nào của ngại sự. Do đó, vắng lặng mà thường soi chiếu, soi chiếu mà thường vắng lặng, nên trọn ngày biết thấy mà không biết thấy vậy. Cho đến, Bồ-tát Bi Trí cùng thành, ẩn hiện không ngại, bi nên thường hành ở thế gian. Trí nên chẳng nhiễm thế pháp. Dung thông có ba: Một là, bi không gì chẳng trí thì thế tục không gì chẳng lìa, do đó thường tại thế gian mà chưa từng chẳng ra khỏi. Hai là, trí không gì chẳng bi nên lìa không gì chẳng là thế tục, do đó vượt ngoài thế tục mà không gì chẳng ở nơi thế tục. Ba là, cả hai cùng chứa, nên động tĩnh không hai, chỉ là một niệm, điều gọi là không niệm, không niệm bình đẳng vậy. Thế tục và xuất thế tục không có chướng ngại. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Vị Đại Bồ-tát biết khéo léo nói Phật, chỉ bày Niết-bàn vì độ chúng sanh, nơi có phương tiện tất cả đều là tâm tưởng kiến lập, chẳng phải là điên đảo, cũng chẳng phải hư dối. Tại sao? Bồ-tát rõ biết tất cả các pháp ba đời bình đẳng, như như chẳng động, thật tế không trú, chẳng thấy có một chúng sanh đã thọ nhận giáo hóa, nay đang thọ nhận giáo hóa và sẽ thọ nhận giáo hóa. Cũng tự rõ biết không chỗ tu hành, không có chút ít pháp hoặc sanh hoặc diệt mà có thể đắc, mà y tựa nơi tất cả các pháp, khiến điều nguyện chẳng không. Đó là như thật trú thứ chín. Lại có bài tụng rằng:

*“Bồ-tát hay ở trong một niệm,  
Quán các chúng sanh vô số Phật.  
Lại ở nơi trong đầu sợi lông,  
Gồm hết các pháp đều rõ thấy”.*

Do thật thấy đây nên thành vô duyên từ, khiến khắp pháp giới chúng sanh thấy nghe được lợi ích. Do đó, trong kinh nói: “Thí như nhật nguyệt chẳng tâm làm qua lại chiếu sáng, chỉ vì sức phước đức của các chúng sanh nên tự hành qua lại phá hoại các tối tăm”. Nếu vào trong Tông Kính đây thì không một pháp có thể thủ lấy, vì đều đồng tánh vậy, không một pháp có thể xả bỏ, vì tuyệt tướng khác biệt vậy. Do đó, thánh nhân thường khéo cứu người mà không vất bỏ người, thường khéo cứu vật nên không vứt bỏ vật. Phạm nói khéo (thiện) là không gì chẳng phải biết tông. Mới là khéo trên hết (thượng thiện) của rốt ráo.

Nếu cứu người là thành bi của đồng thể, nếu cứu vật là quy về lý của không tướng, thì ngoài khéo không pháp, vất bỏ gì ư?